TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1904**/2018/DS-ST
Ngày: 28/9/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên toà: Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 143/2018/TLST-DS ngày 22/01/2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2018/QĐXXST-DS ngày 06/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 C, Phường D, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông M, trú tại 11/5/15 KP 2A, Phường H, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Giấy uỷ quyền số 1616/2017/UQ-TTT ngày 27/12/2017).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn B
Địa chỉ: 308/34 N, Phường G, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2017, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn trình bày:

** Ký kết hợp đồng:*

Ngày 27/09/2011 Ngân hàng TMCP A và ông Nguyễn B ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

** Thực hiện hợp đồng:*

Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn B, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 22.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 37.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 47.952.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông B không có thiện chí trả nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/4/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 22/5/2018, ông B còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 19.171.331 đồng
- Lãi quá hạn 9.465.780 đồng

Tổng cộng: 28.637.111 đồng

** Yêu cầu đòi nợ:*

Hiện nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/5/2018 là 28.637.111 đồng cùng với tiền lãi phát sinh tiếp tục tính từ ngày 23/5/2018 đến khi bị đơn trả xong nợ.

Thời hạn thanh toán:

Số tiền trên được trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

***Bị đơn ông Nguyễn B**:* đã vắng mặt trong suốt quá trình Toà án nhân dân quận Bình Thạnh tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn: có đơn xin xét xử vắng mặt, trong văn bản trình bày ý kiến gửi Hội đồng xét xử nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng với tổng số tiền là 31.728.467 đồng, trong đó nợ gốc là 19.171.331 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/9/2018 là 12.557.136 đồng.

Tiền lãi phát sinh sẽ tiếp tục được tính từ ngày 29/9/2018 trên số dư nợ vốn vay cho đến khi bị đơn trả xong nợ, theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng tín dụng.

Số tiền trên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn: vắng mặt không có lý do, mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên toà.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn giải quyết cụ án.

Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử gồm những thành viên như đã công bố trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định đối với các đương sự trong vụ án. Việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông Nguyễn B là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Toà để làm bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án. Phiên toà được mở lần thứ 02 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Việc nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

3. Về yêu cầu của nguyên đơn :

** Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn B thanh toán số tiền vốn vay là 19.171.331 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:*

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bản chi tiết sao kê các giao dịch cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng cho bị đơn với hạn mức là 22.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 37.000.000 đồng nhưng mới thanh toán cho nguyên đơn được 47.592.000 đồng, nợ gốc còn lại là 19.171.331 đồng. Từ ngày 22/01/2017 đến nay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 2 và Điều 23 của Hợp đồng tín dụng và các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn B thanh toán nợ lãi tạm tính đến ngày 28/9/2018 là 12.557.136 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận về lãi suất theo biểu lãi suất thẻ tín dụng, ông Nguyễn B không thanh toán tiền nợ gốc, lãi suất theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Xem xét thời gian tính lãi, mức lãi suất mà ngân hàng đã áp dụng phù hợp thỏa thuận được quy định tại Điều 22 trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005.

Trong khi đó, bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình toà án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, mặc dù toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Vì vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền là 31.728.467 đồng, trong đó nợ gốc là 19.171.331 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/9/2018 là 12.557.136 đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

3.Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc ông Nguyễn B phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 27/9/2011 là 31.728.467 đồng, trong đó nợ gốc là 19.171.331 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/9/2018 là 12.557.336 đồng. Số tiền 31.728.467 đồng được trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.586.423 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A được nhận lại toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp là 607.000 đồng theo theo biên lai thu số 0003821 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Việc thi hành án được thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận Bình Thạnh;
-THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào